CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HỢP PHÁT	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18/2026/CV-HP	*Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2026*
(V/v: Công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm:

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát;
- ĐKKD số 0102668815 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/3/2008, thay đổi lần 5 ngày 09/5/2025;
- Địa chỉ: Nhà M3-2 Khu B Tập thể trường đại học Mỏ địa chất, phường Đông Ngạc, Tp. Hà Nội;
- VPGD: Số 119 Nguyễn Xiển, phường Khương Đình, Tp. Hà Nội;
- Email: Pkt.hopphat@gmail.com
  Lasxd24.136@gmail.com
- Wedsite: hopphat.info;
- Điện thoại: 0243 55 76 924;
- Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm kiểm định xây dựng;
- Địa chỉ PTN: Số 119 Nguyễn Xiển, phường Khương Đình, Tp. Hà Nội;
  - Trạm thí nghiệm hiện trường đặt tại thôn Plei Thơh Ga B, xã Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.
  - Thời gian dự kiến hoạt động: tháng 12/2026 đến tháng 12/2027.

2. Thông tin về năng lực Trạm thí nghiệm hiện trường của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

- Dự án: Nhà máy điện mặt trời Nhơn Hòa 1; Nhà máy điện mặt trời Nhơn Hòa 1 kết hợp hệ thống pin lưu trữ; Nhà máy điện mặt trời Nhơn Hòa 2; Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 3; Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 4 và Nhà máy điện gió Ia Boong.
- Danh sách nhân sự thí nghiệm: danh sách kèm theo.
- Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn áp dụng: danh sách kèm theo.
- Danh mục thiết bị thí nghiệm chính: danh sách kèm theo.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của nội dung công bố. Thiết bị thí nghiệm đáp ứng yêu cầu để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố. Thí nghiệm viên có trình độ chuyên môn phù hợp và được bố trí thực hiện đúng các chỉ tiêu đã được công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị.
- Lưu văn thư;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HỢP PHÁT

M.S.D.N: 0102668815 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HỢP PHÁT - Q. BẮC TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đỗ Quang Tiệp

Danh sách nhân sự Trạm thí nghiệm hiện trường

(Kèm theo Công văn số: 18/2026/CV-HP ngày 16 tháng 11 năm 2026)

TT	Chức danh – Họ tên	Nhiệm vụ - chức năng	Ghi chú
1	Trưởng trạm TN – Nguyễn Văn Hinh	Phụ trách chính công tác hiện trường; kiểm tra công tác thực hiện thí nghiệm; thực hiện trực tiếp công tác thí nghiệm.	
2	Nguyễn Thiện Quang	Thực hiện công tác thí nghiệm	
3	Trần Thanh Hùng	Thực hiện công tác thí nghiệm	
4	Cao Văn Hoài	Thực hiện công tác thí nghiệm	
5	Nguyễn Đức Tuấn	Thực hiện công tác thí nghiệm	

Danh mục phép thử tại Trạm thí nghiệm hiện trường

(Kèm theo Công văn số: 18/2026/CV-HP ngày 16 tháng 11 năm 2026)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
I	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG**	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
II	**HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**	
4	Lấy mẫu, chế tạo, bảo dưỡng mẫu	TCVN 3105:2022
5	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
6	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
7	Xác định cường độ nén bê tông lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
8	Tính toán thành phần cấp phối BTXM	TCVN 9382:2012 QĐ 778/1998/QĐ BXD ACI R211
III	**VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DĂM (SỎI), CẤP PHỐI**	
9	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06
10	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
11	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
12	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006
13	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
14	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
15	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:2006
16	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
17	XĐ độ nén dập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572- 11:2006
18	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
19	Xác định độ hao mòn khi va đập trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; AASHTO T96
20	Xác định hàm lượng vật liệu nhỏ hơn 0.075 mm bằng phương pháp rửa	TCVN 9205:2012
IV	**PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG**	
21	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8826:2024
22	Xác định hàm lượng chất khô	TCVN 8826:2024
23	Xác định độ pH	TCVN 8826:2024
24	Phụ gia khoáng: xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 8262:2009
25	Phụ gia khoáng: xác định độ ẩm	TCVN 8262:2009
V	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT ĐÁ TRONG PHÒNG**	
26	Xác định thành phần cỡ hạt	AASHTO T88; TCVN 4198:2014
27	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 12790:2020
28	Xác định giới hạn chảy, chỉ số dẻo	TCVN 4197:2012
29	Xác định chỉ số CBR	TCVN 12792:2020
VI	**KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG**	

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
30	Xác định dung sai khối lượng	TCVN 1651:2018
31	Thử kéo	TCVN 197:2014
32	Thử uốn	TCVN 198:2008
VII	**THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG**	
33	Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	AASHTO T191
34	Xác định modun đàn hồi bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
VIII	**THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG**	
35	Xác định cường độ nén, uốn của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
IX	**THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY**	
36	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
37	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
38	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
39	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009

Danh mục thiết bị chính Trạm thí nghiệm hiện trường

(Kèm theo Công văn số: 18/2026/CV-HP ngày 16 tháng 11 năm 2026)

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN	Máy	1	
2	Bộ gối uốn	Bộ	1	
3	Máy cắt mẫu	Máy	1	
4	Máy nén bê tông 2000 KN	Máy	1	
5	Tủ sấy	Cái	1	
6	Cân điện tử BC-100- OHAUS	Cái	1	
7	Cân điện tử BC-15- OHAUS	Cái	1	
8	Cân điện tử BC-15- OHAUS	Cái	1	
9	Cân điện tử BC-0.01- OHAUS	Cái	1	
10	Máy trộn bê tông	Máy	1	
11	Đầm dùi	Cái	2	
12	Máy trộn xi măng	Cái	1	
13	Bàn giằn mẫu xi măng	Cái	1	
14	Bộ thiết bị xác định tỷ trọng xi măng	Bộ	1	
15	Bộ thiết bị XĐ thời gian ninh kết xi măng	Bộ	1	
16	Khuôn lấy mẫu vữa, xi măng 4x4x16 cm	Cái	6	
17	Bộ TN xác định độ xốp của cát	Bộ	1	
18	Bộ TN xác định độ xốp của đá	Bộ	1	
19	Bộ TN xác định KLR của cốt liệu	Bộ	1	
20	Bộ thí nghiệm nén dập xi lanh	Bộ	1	
21	Bộ thiết bị TN xác định tạp chất hữu cơ	Bộ	1	
22	Thước TN xác định thoi dẹt	Cái	1	
23	Sàng: (70; 40; 25; 20; 19; 10; 9,5; 5; 4,75; 2.5; 2,36; 2; 1.25; 1.18; 1; 0.63; 0.60; 0.425; 0.315; 0,3; 0.14; 0,15; 0,045; 0,075)	Bộ	1	
24	Thùng xác định bùn bụi sét đá	Cái	1	
25	Thùng xác định bùn bụi sét cát	Cái	1	
26	Thùng rửa đá	Cái	1	
27	Thùng đong 20l, 10l, 5l, 2l, 1l	Bộ	1	
28	Bộ côn rút độ sụt loại N1	Bộ	2	
29	Bộ côn rút độ sụt loại N2	Bộ	1	
30	Khuôn đúc mẫu bê tông 15x15x15cm	Cái	90	
31	Khuôn đúc mẫu bê tông 20x20x20cm	Cái	54	
32	Bộ đầm chặt tiêu chuẩn	Bộ	1	
33	Bộ thí nghiệm chảy, dẻo	Bộ	1	
34	Bộ thí nghiệm rót cát	Bộ	4	
35	Tấm ép cứng các loại D76, D61, D46, D33	Bộ	1	
36	Kích thủy lực 32T, đồng hồ đo chuyển vị	Bộ	1	
37	Máy khoan rút lõi	Máy	1	
38	Bộ máy tính, máy in	Bộ	1	
39	Dụng cụ, thiết bị phụ trợ khác			